PHỤ LỤC 3:
THÔNG TIN DIỆN TÍCH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP DỰ KIẾN SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 23 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Đất rừng đặc dụng: Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các Dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum không ảnh hưởng đến diện tích đất rừng đặc dụng của tỉnh.

2. Đất rừng phòng hộ: Xác định có 49,13 ha đất rừng phòng hộ *(trong đó: Đất có rừng tự nhiên 13,95 ha; đất có rừng trồng 9,82 ha; đất trống không có rừng 25,36 ha)* trong Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum để thực hiện 05 dự án, cụ thể:

- Huyện Kon Plông 32,29 ha, cụ thể: Xã Đăk Tăng 29,26 ha; xã Đăk Ring 3,03 ha.

- Huyện Đăk Glei 12,37 ha, cụ thể: Xã Đăk Plô (Blô) 12,37 ha.

- Huyện Đăk Tô 1,87 ha, cụ thể: Xã Đăk Trăm 1,87 ha.

- Huyện Tu Mơ Rông 2,6 ha, cụ thể: Xã Đăk Rơ Ông 1,03 ha; xã Đăk Tơ Kan 1,57 ha.

Bảng 01: Diện tích đất rừng phòng hộ được xác định trong Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum để thực hiện các Dự án

TT	Huyện, thành phố	Diện tích đất rừng phòng hộ				Ghi Chú
		Tổng cộng (ha)	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất không có rừng	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng diện tích điều chỉnh	**49,13**	**13,95**	**9,82**	**25,36**	
I	**Đăk Glei**	**12,37**	**2,19**	**0**	**10,18**	Dự án nâng cấp tuyến đường Đăk Man - Đăk Blô, huyện Đăk Glei
1	Xã Đăk Plô	12,37	2,19		10,18	
II	**Kon Plông**	**32,29**	**11,76**	**9,82**	**10,71**	Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
1	Xã Đăk Tăng	29,26	11,67	9,82	7,77	
2	Xã Đăk Ring	3,03	0,09		2,94	
III	**Tu Mơ Rông**	**2,6**	**0**	**0**	**2,6**	Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun, tỉnh Kon Tum
1	Đăk Rơ Ông	1,03			1,03	
2	Đắk Tơ Kan	1,57			1,57	
IV	**Đăk Tô**	**1,87**	**0**	**0**	**1,87**	

1	Đăk Trăm	1,87			1,87	

Diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng sau điều chỉnh là 208.137,87 ha.

Bảng 02. So sánh diện tích đất rừng phòng hộ trước và sau điều chỉnh theo đơn vị hành chính

STT	Huyện, thành phố	Diện tích rừng phòng hộ trước điều chỉnh (ha)	Diện tích rừng phòng hộ sau điều chỉnh (ha)	Tăng (+)/giảm (-) (ha)
Tổng cộng		**208.187,00**	**208.137,87**	**-49,13**
1	Đăk Glei	47.281	47.268,63	-12,37
2	Đăk Hà	17.967	17.967,00	
3	Đăk Tô	5.206	5.204,13	-1,87
4	Kon Plông	46.398	46.365,71	-32,29
5	Kon Rẫy	22.656	22.656,00	
6	Ngọc Hồi	9.939	9.939,00	
7	Sa Thầy	25.812	25.812,00	
8	Kon Tum	1.494	1.494,00	
9	Tu Mơ Rông	31.434	31.431,40	-2,6

3. Đất rừng sản xuất

Xác định có 252,7 ha đất rừng sản xuất *(trong đó: Đất có rừng tự nhiên 87,6 ha; rừng trồng 1,08 ha; đất trống không có rừng 164,02 ha)* trong Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum để thực hiện 05 dự án, cụ thể:

- Huyện Đăk Glei 56,97 ha, cụ thể: Xã Đăk Plô (Blô) 1,31 ha; xã Đăk Pék 36,21 ha; xã Xốp 19,3 ha và xã Đăk Man 0,15 ha.

- Huyện Kon Plông 107,28 ha, cụ thể: Xã Đăk Ring 35,16 ha; xã Đăk Tăng 18,76 ha; xã Măng Buk 13,17 ha; xã Măng Cành 30,0 ha; xã Đăk Nên 8,35 ha và xã Đăk Long (*nay là thị trấn Măng Đen*) 1,84 ha.

- Huyện Kon Rẫy 20,68 ha, cụ thể: Xã Đăk Pne 20,68 ha.

- Huyện Tu Mơ Rông 59,06 ha, cụ thể: Xã Đăk Tơ Kan 57,98 ha; xã Đăk Rơ Ông 1,08 ha.

- Huyện Đăk Tô 8,71 ha, cụ thể: Xã Đăk Trăm 8,42 ha; xã Ngọk Tụ 0,29 ha.

Bảng 03. Diện tích đất rừng sản xuất được xác định trong Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum để thực hiện các Dự án

TT	Huyện/thị	Diện tích đất rừng sản xuất				Ghi chú
		Tổng cộng (ha)	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất chưa có rừng	
1	2	3	4	5	6	7
Tổng diện tích điều chỉnh		**252,7**	**87,6**	**1,08**	**164,02**	
I	**Đăk Glei**	**56,97**	**40,28**	**1,08**	**15,61**	Dự án đường giao thông từ trung tâm thị trấn Đăk Glei đến trung tâm xã Xốp, huyện Đăk Glei
1	Xã Xốp	19,3	13,97	0,97	4,36	
2	Xã Đăk Pek	36,21	25,99	0,11	10,11	
3	Xã Đăk Man	0,15			0,15	Dự án nâng cấp tuyến đường Đăk Man - Đăk Blô, huyện Đăk Glei
4	Xã Đăk Plô	1,31	0,32		0,99	
II	**Kon Plông**	**107,28**	**32,72**	**0**	**74,56**	Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
1	Xã Đăk Tăng	18,76	0,82		17,94	
2	Xã Đăk Ring	35,16	7,46		27,7	
3	Măng Buk	13,17	13,17			
4	Xã Đăk Nên	8,35			8,35	
5	Xã Măng Cành	30	10,65		19,35	
6	TT. Măng Đen	1,84	0,62		1,22	
III	**Tu Mơ Rông**	**59,06**	**0,75**	**0**	**58,31**	Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun, tỉnh Kon Tum
1	Xã Đăk Rơ Ông	1,08			1,08	
2	Xã Đăk Tơ Kan	57,98	0,75		57,23	
IV	**Đăk Tô**	**8,71**	**0**	**0**	**8,71**	
1	Đăk Trăm	8,42			8,42	
2	Ngọk Tụ	0,29			0,29	
V	**Kon Rẫy**	**20,68**	**13,85**	**0**	**6,83**	Dự án đường giao thông từ xã Đăk Pne, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đi huyện Kbang, tỉnh Gia Lai
1	Xã Đăk Pne	20,68	13,85		6,83	

Diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch đất rừng sản xuất trong Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum sau điều chỉnh là 394.803,3 ha.

Bảng 04. So sánh diện tích đất rừng sản xuất trước và sau điều chỉnh theo đơn vị hành chính

STT	Huyện, thành phố	Diện tích rừng sản xuất trước điều chỉnh (ha)	Diện tích rừng sản xuất sau điều chỉnh (ha)	Tăng (+)/giảm (-) (ha)
Tổng cộng		**395.056,00**	**394.803,30**	**-252,7**
1	Đăk Glei	33.993,00	33.936,03	-56,97
2	Đăk Hà	30.310,00	30.310,00	
3	Đăk Tô	17.731,00	17.722,29	-8,71
4	Kon Plông	58.891,00	58.783,72	-107,3
5	Kon Rẫy	55.270,00	55.249,32	-20,68
6	Ngọc Hồi	27.465,00	27.465,00	
7	Sa Thầy	128.231,00	128.231,00	
8	Kon Tum	3.520,00	3.520,00	
9	Tu Mơ Rông	39.645,00	39.585,94	-59,06

5. Tổng hợp diện tích đất lâm nghiệp trong Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum sau điều chỉnh

Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với những dự án có diện tích rừng thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì diện tích quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp trong Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum đã có sự thay đổi so với diện tích quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh là 301,83 ha; trong đó:

- Rừng tự nhiên 101,55 ha, phân theo chức năng: Đất rừng sản xuất 87,6 ha, đất rừng phòng hộ 13,95 ha.

- Rừng trồng 10,9 ha, phân theo chức năng: Đất rừng sản xuất 1,08 ha; đất rừng phòng hộ 9,82 ha.

- Đất trống 189,38 ha, phân theo chức năng: Đất rừng sản xuất 164,02 ha; đất rừng phòng hộ 25,36 ha.

Tổng diện tích quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp là **698.144,17** ha, chiếm 72,14% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Cơ cấu theo chức năng 3 loại rừng: Đất

rừng đặc dụng 95.203 ha, chiếm 9,8%; đất rừng phòng hộ 208.137,87 ha, chiếm 21,5%; đất rừng sản xuất 394.803,3 ha, chiếm 40,8%, cụ thể theo địa bàn từng huyện, thành phố như sau:

Bảng số 05: Diện tích quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp tỉnh Kon Tum

TT	Hạng mục	Hiện trạng trước điều chỉnh (ha)	Hiện trạng dự kiến sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
I	**Tổng diện tích tự nhiên**	**967.729,83**	**967.729,83**	
II	**Đất lâm nghiệp**	**698.446**	**698.144,17**	**-301,83**
1	Đất rừng đặc dụng	95.203	95.203	
2	Đất rừng phòng hộ	208.187	208.137,87	**- 49,13**
3	Đất rừng sản xuất	395.056	394.803,3	**- 252,7**

Bảng số 06. Diện tích quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp theo đơn vị hành chính

TT	Huyện, thành phố	Diện tích đất lâm nghiệp (ha)	Phân theo 3 loại rừng		
			Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	Tổng cộng	**698.144,17**	**95.203,00**	**208.137,87**	**394.803,30**
1	Đăk Glei	119.237,66	38.033,00	47.268,63	33.936,03
2	Đăk Hà	48.937,00	660	17.967,00	30.310,00
3	Đăk Tô	22.926,42		5.204,13	17.722,29
4	Kon Plông	105.149,43		46.365,71	58.783,72
5	Kon Rẫy	77.905,32		22.656,00	55.249,32
6	Ngọc Hồi	48.785,00	11.381,00	9.939,00	27.465,00
7	Sa Thầy	100.539,00	45.129,00	25.812,00	29.598,00
8	Ia H'Drai	98.633,00			98.633,00
9	Kon Tum	5.014,00		1.494,00	3.520,00
10	Tu Mơ Rông	71.017,34		31.431,40	39.585,94